

PHẦN I: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Kim loại nào sau đây **không** tan trong dung dịch HCl 0,10 M?

- A. Zn. B. Mg. C. Au. D. Fe.

Câu 2. Xu hướng biến đổi tính chất của các nguyên tố và đơn chất, cũng như thành phần và tính chất của các hợp chất tạo nên từ các nguyên tố đó được nêu trong

- A. phương pháp Solvay.
C. quy tắc Zaitsev.
B. nguyên lí chuyển dịch cân bằng.
D. định luật tuần hoàn các nguyên tố hoá học.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về protein?

- A. Protein đơn giản tạo nên từ các gốc β - hoặc γ -amino acid.
B. Protein bị thủy phân bởi acid hoặc base.
C. Protein trong lòng trắng trứng có phản ứng màu biuret.
D. Trong thành phần protein luôn có nguyên tố nitrogen.

Câu 4. Amine nào sau đây là amine bậc hai?

- A. $C_6H_5NH_2$. B. CH_3NHCH_3 . C. CH_3NH_2 . D. $(CH_3)_3N$.

Câu 5. Các đồng vị của một nguyên tố hoá học là những nguyên tử có cùng số proton nhưng khác nhau ... (1)....

Nội dung phù hợp trong chỗ trống (1) là

- A. số hiệu nguyên tử. B. số neutron. C. số electron. D. điện tích hạt nhân.

Câu 6. Điện phân nóng chảy NaCl với các điện cực trơ để sản xuất kim loại natri (sodium, Na). Quá trình nào sau đây xảy ra ở cathode (cực âm) của bể điện phân?

- A. $2H_2O + 2e \rightarrow H_2 + 2OH^-$.
C. $2Cl^- \rightarrow Cl_2 + 2e$.
B. $2H_2O \rightarrow O_2 + 4H^+ + 4e$.
D. $Na^+ + 1e \rightarrow Na$.

Câu 7. Polypropylene được điều chế bằng phản ứng trùng hợp chất nào sau đây?

- A. $CH_2=CH-Cl$. B. $CH_2=CH-CH_3$. C. $CH_2=CH_2$. D. CH_3-CH_2-Cl .

Câu 8. Ăn mòn kim loại là quá trình phá hủy kim loại hoặc hợp kim do tác dụng với các chất trong môi trường, trong đó kim loại đóng vai trò là

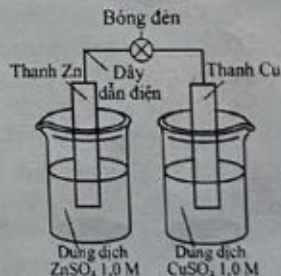
- A. chất khử. B. chất điện li. C. base. D. chất oxi hoá.

Câu 9. Phản ứng với thuốc thử Tollens (phản ứng tráng bạc) thể hiện tính chất của nhóm chức nào trong phân tử propanal?

- A. $-COOH$.
C. $-CHO$.
B. $-OH$.
D. $-C_2H_5$.

Câu 10. Dụng cụ nào cần bổ sung vào hệ được mô tả như sơ đồ ở hình bên để tạo thành pin Galvani hoạt động?

- A. Nhiệt kế.
C. Cầu muối.
B. Ampe kế.
D. Vôn kế.



Câu 11. Khi nghiên cứu về phản ứng điều chế ethyl acetate từ cồn 96° và acetic acid

với sự có mặt của dung dịch H_2SO_4 đặc, một nhóm học sinh muốn khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ đến khối lượng ester thu được sau cùng một thời gian phản ứng. Nhóm học sinh dự định thực hiện ba thí nghiệm lần lượt ở ba nhiệt độ 50 °C, 60 °C và 70 °C. Khi xây dựng kế hoạch thí nghiệm, nhóm thảo luận về một số yếu tố sau:

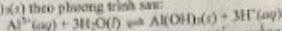
- (1) Thời gian tiến hành phản ứng.
- (2) Nồng độ, thể tích ban đầu của các chất phản ứng và dung dịch H_2SO_4 đặc.
- (3) Màu sắc của hỗn hợp trong quá trình phản ứng.
- (4) Nhiệt độ tiến hành phản ứng.

Những yếu tố nào trong số các yếu tố ở trên cần được thiết lập giống nhau ở cả ba thí nghiệm?

- A. (1), (2). B. (2), (3). C. (1), (4). D. (3), (4).

Sử dụng thông tin cho dưới đây để trả lời các câu số 12 - 13:

Phèn nhôm - kali có công thức hoá học là $K_2SO_4 \cdot Al_2(SO_4)_3 \cdot 24H_2O$, được sử dụng phổ biến để làm giảm độ đục (làm trong nước đục) trong quá trình xử lý nước phục vụ sinh hoạt. Ứng dụng này dựa trên sự thủy phân của ion $Al^{3+}(aq)$ tạo ra $Al(OH)_3(s)$ theo phương trình sau:



Kết tủa $Al(OH)_3$ tạo thành dưới dạng keo, hấp phụ các hạt lơ lửng và lắng xuống đáy. Phèn nhôm - kali làm giảm độ đục hiệu quả đối với nước có pH khoảng 6,5 - 7,5. Trong nhiều trường hợp, pH của nước chỉ khoảng 5,0 nên trước khi xử lý nước bằng phèn nhôm - kali, cần điều chỉnh pH phù hợp.

Câu 12. Khi thảo luận về hoá chất phù hợp để làm tăng pH của nước từ 5,0 lên khoảng 6,5 - 7,5, một số đề xuất kèm theo lý do được đưa ra như sau:

- (1) Có thể sử dụng $Ca(OH)_2$ vì $Ca(OH)_2$ là base, phản ứng với ion $H^+(aq)$.
- (2) Có thể sử dụng $NaCl$ vì dung dịch $NaCl$ có pH = 7 nằm trong khoảng pH phù hợp với phèn nhôm - kali.
- (3) Có thể sử dụng NH_4Cl vì ion $NH_4^+(aq)$ thủy phân tạo ra môi trường base làm tăng pH.
- (4) Có thể sử dụng $Fe_2(SO_4)_3$ vì ion $Fe^{3+}(aq)$ thủy phân tạo ra $Fe(OH)_3$ làm tăng pH.

Đề xuất kèm theo lý do hợp lý là

- A. đề xuất (4). B. đề xuất (3). C. đề xuất (2). **D. đề xuất (1).**

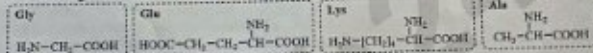
Câu 13. Ở 25 °C, một mẫu nước (mẫu X) có pH = 6,5. Để làm giảm độ đục của X, người ta cho vào X một lượng phèn nhôm - kali. Cho các phát biểu sau:

- (a) Mẫu X có môi trường acid.
- (b) Sự có mặt của các ion K^+ và Al^{3+} làm cho nước có tính cứng toàn phần.
- (c) Nếu thêm acid mạnh vào mẫu X thì hiệu quả lắng trong nước đục của phèn nhôm - kali tăng lên.
- (d) Sau khi xử lý mẫu X bằng phèn nhôm - kali, nước thu được có pH = 7,5.

Số phát biểu đúng là

- A. 2. B. 3. C. 4. **D. 1.**

Câu 14. Cho công thức cấu tạo và kí hiệu của bốn amino acid sau:



Công thức cấu tạo của amino acid nào biểu diễn nhiều nhóm amino nhất?

- A. Gly. B. Glu. **C. Lys.** D. Ala.

Câu 15. Nhôm (aluminium, Al) và kali (potassium, K) đều là kim loại có tính khử mạnh. Tuy nhiên, các vật dụng làm bằng nhôm dễ được trong không khí do có lớp màng oxide bền vững bảo vệ. Trong khi đó, kim loại kali thường được bảo quản bằng cách ngâm trong dầu hỏa khan mà không để ngoài không khí. Giải thích nào sau đây phù hợp với cơ sở hoá học của phương pháp bảo quản kali?

- A. Kim loại kali dễ bị bay hơi khi để ngoài không khí nhưng không bay hơi khi bảo quản trong dầu hỏa khan.
- B. Kim loại kali không tạo được oxide khi để ngoài không khí nhưng tạo được oxide khi bảo quản trong dầu hỏa khan.
- C. Kim loại kali không bị nóng chảy khi để ngoài không khí nhưng nóng chảy khi bảo quản trong dầu hỏa khan.
- D. Kim loại kali và oxide của nó dễ bị chuyển hoá trong không khí nhưng kali bền khi bảo quản trong dầu hỏa khan.**

Câu 16. Công thức cấu tạo thu gọn nào sau đây là của butane?

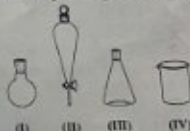
- A. $CH_3-CH_2-CH_3$. B. $CH_3-CH_2-CH_2-CH_3$.
C. $CH_3-CH_2-CH-CH_3$. D. $CH_3-CH_2-CH_2-CHO$.

Câu 17. Hình bên minh họa một số dụng cụ thí nghiệm với kí hiệu tương ứng. Kí hiệu nào ứng với dụng cụ khuấy chiết?

- A. (III). B. (IV).
C. (I). **D. (II).**

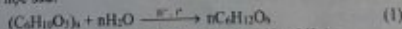
Câu 18. Công thức hoá học của chromium(III) sulfate là

- A. $CrSO_4$. B. $Cr_2(SO_4)_3$. C. $K_2Cr_2O_7$. **D. Cr_2S_3 .**



PHẦN II: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

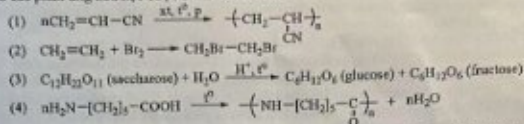
Câu 1. Cellulose và tinh bột đều có công thức chung là $(C_6H_{10}O_5)_n$. Tinh bột gồm hai thành phần là amylose và amylopectin. Thủy phân hoàn toàn cellulose và tinh bột trong môi trường acid mạnh, thu được glucose theo phương trình hoá học sau:



- a) Cellulose và tinh bột đều là polymer tự nhiên (polymer thiên nhiên).
- b) Phản ứng thủy phân cellulose và tinh bột theo phương trình (1) là phản ứng cắt mạch polymer.

PHẦN III: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho các phản ứng hoá học được đánh số như sau:



Sắp xếp số tương ứng của mỗi phản ứng theo thứ tự: phản ứng thủy phân, phản ứng trùng ngưng, phản ứng trùng hợp và phản ứng cộng, thành bộ bốn số (ví dụ: 1234, 4321, ...).

Câu 2. Xi măng Portland có thành phần được biểu diễn như sau: $3\text{CaO} \cdot \text{Al}_2\text{O}_3$ (kí hiệu là C_3A), $2\text{CaO} \cdot \text{SiO}_2$ (kí hiệu là C_2S), $3\text{CaO} \cdot \text{SiO}_2$ (kí hiệu là C_3S), $4\text{CaO} \cdot \text{Al}_2\text{O}_3 \cdot \text{Fe}_2\text{O}_3$ (kí hiệu là C_4AF), CaSO_4 (hay $\text{CaO} \cdot \text{SO}_3$), còn lại là phụ gia. Thành phần của một loại xi măng Portland quy đổi về % khối lượng các chất được cho trong bảng sau:

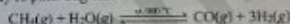
Thành phần	CaO	SiO ₂	Al ₂ O ₃	Fe ₂ O ₃	SO ₃	Phụ gia
% khối lượng	67,76	22,20	5,61	2,40	1,60	0,43

Phản trộn theo khối lượng của $3\text{CaO} \cdot \text{SiO}_2$ (C_3S) trong loại xi măng Portland trên là x %. Xác định giá trị của x (không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng tới hàng phần trăm).

Câu 3. Trong một nhà máy sản xuất đường saccharose, sau một số giai đoạn xử lí thu được đường ẩm (chỉ gồm saccharose và 1,40 % nước theo khối lượng). Đường ẩm được đun vào thiết bị sấy cho tiếp xúc với dòng không khí nóng (chứa 0,80 % nước theo khối lượng). Tỷ lệ khối lượng không khí nóng : đường ẩm là 3 : 1. Trong quá trình sấy, chỉ xảy ra sự bay hơi của nước từ đường ẩm vào dòng không khí nóng. Sau khi sấy, dòng không khí nóng thoát ra khỏi thiết bị chứa 1,25 % nước theo khối lượng và thu được đường chứa $x \cdot 10^{-2}$ % nước theo khối lượng. Xác định giá trị của x (không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng tới hàng phần trăm).

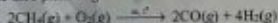
Câu 4. Một nhà máy sản xuất ammonia theo phương pháp Haber - Bosch. Để thu được nitrogen (N_2) và hydrogen (H_2) từ methane, không khí và nước, các giai đoạn chính được thực hiện như sau:

- **Giai đoạn 1:** Cho hỗn hợp gồm khí methane và hơi nước với tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 3,2 qua tháp phản ứng chứa xúc tác ở 900 °C, xảy ra phản ứng sau:

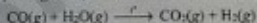


Hiệu suất chuyển hoá CH_4 ở giai đoạn này là h %.

- **Giai đoạn 2:** Hỗn hợp thu được sau giai đoạn 1 được trộn với không khí (chứa 80 % N_2 và 20 % O_2 theo thể tích) để oxy hoá hết methane theo phản ứng:



- **Giai đoạn 3:** Trộn hỗn hợp thu được sau giai đoạn 2 với hơi nước dư để oxy hoá hết CO thành CO_2 theo phản ứng:



- **Giai đoạn 4:** Dẫn hỗn hợp thu được sau giai đoạn 3 vào tháp hấp thụ để tách CO_2 và hơi nước. Hỗn hợp khí còn lại chỉ gồm N_2 và H_2 với tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 3 được sử dụng để tổng hợp ammonia.

Coi các phản ứng khác trong các giai đoạn từ 1 đến 4 xảy ra không đáng kể. Xác định giá trị của h (không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng tới hàng phần trăm).

Câu 5. Cho các chất được đánh số như sau:

- ☐ (1) methyl acetate ☒ (2) propyl acetate ☒ (3) sodium formate
☒ (4) sodium palmitate ☒ (5) methyl methacrylate ☒ (6) methyl formate

Liệt kê theo trình tự từ nhỏ đến lớn các số ứng với tất cả các chất là ester (ví dụ: 56, 124, 3456, ...).

Câu 6. Thế điện cực chuẩn của các cặp oxy hoá - khử Zn^{2+}/Zn và Pb^{2+}/Pb lần lượt là -0,763 V và -0,126 V. Tính sức điện động chuẩn (theo V) của pin Galvani tạo bởi hai cặp oxy hoá - khử trên (làm tròn kết quả tới hàng phần trăm).

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

HẾT

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2026

Môn: Hoá học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu/Đề	0301	0302	0303	0304	0305	0306	0307	0308	0309	0310	0311	0312	0313	0314	0315	0316	0317	0318	0319	0320	0321	0322	0323	0324	
1	A	C	C	B	D	D	C	C	A	B	C	B	D	B	C	D	D	C	C	C	B	C	D	A	A
2	D	A	D	B	B	B	A	A	A	C	D	C	B	C	A	D	D	B	C	D	B	A	D	D	
3	A	B	A	A	C	A	B	C	A	A	A	A	D	D	C	D	C	B	A	D	A	D	A	C	
4	B	C	D	C	B	A	A	D	C	D	B	C	A	C	B	A	C	C	C	C	C	A	A	A	
5	B	B	D	A	A	C	A	C	A	C	B	D	A	D	B	A	A	C	A	A	D	C	B	C	
6	D	D	A	D	C	D	D	C	D	A	D	A	C	A	D	B	C	C	A	B	C	C	C	D	
7	D	A	C	B	D	A	D	B	C	D	B	B	C	D	D	D	B	B	C	B	A	C	A	B	
8	D	D	C	D	B	B	C	C	A	D	A	C	A	B	C	D	C	B	B	D	C	B	B	C	
9	B	B	C	A	B	A	C	D	A	A	C	C	B	C	B	B	A	A	D	D	A	D	B	D	
10	A	C	D	D	C	B	D	C	C	D	C	D	C	D	B	A	D	D	C	C	B	C	D	A	
11	D	D	B	C	B	A	B	D	B	B	A	A	A	C	B	C	C	C	C	A	C	D	A	A	
12	B	B	B	A	D	B	B	C	C	A	D	D	C	D	C	A	C	B	C	C	C	A	A	B	
13	D	B	C	D	D	C	C	D	A	D	D	D	C	B	D	D	B	B	A	A	A	A	B	B	
14	A	D	C	A	A	B	D	D	D	C	C	A	B	C	C	C	C	D	B	C	B	A	B	C	
15	B	C	C	D	B	D	A	B	A	A	D	D	B	D	A	C	A	C	D	C	D	D	C	D	
16	B	A	A	D	C	A	C	B	C	D	B	C	B	C	D	B	A	D	D	A	C	A	A	C	
17	B	B	B	D	C	C	B	A	A	A	D	C	A	B	C	A	A	C	C	C	B	B	C	C	
18	C	C	A	C	C	C	A	D	D	C	B	A	C	B	B	C	B	A	B	A	B	B	C	C	
19	S,S,S,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,S	D,S,D,D	S,S,D,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,D,D,S	D,S,D,D	D,S,D,D	S,S,S,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,S,S,D	D,S,S,S	S,S,S,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	D,D,S,S	
20	S,S,D,D	S,S,S,D	D,S,S,S	S,D,D,S	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,D,D,S	S,S,S,D	D,D,S,S	S,S,D,D	D,S,D,D	S,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,S,S,D	S,S,D,D	S,D,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,S,S,D	
21	D,S,S,S	D,S,D,D	S,S,D,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,D,D,S	D,S,D,D	D,D,S,S	S,S,D,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	D,S,D,D	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,S,S	D,D,S,S	D,S,S,S	D,S,D,D	D,S,S,S	D,S,D,D	D,D,S,S	D,D,S,S	
22	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,D,D	D,S,D,D	S,S,D,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,S,S,S	D,S,D,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,D,S,S	D,S,S,S	S,S,S,D	D,S,S,S	D,S,D,D	
23	1256	0,48	3,34	4213	1256	1246	3,34	17,2	1256	4,95	3412	4213	61,6	0,48	3412	42,9	0,64	1246	42,9	4,95	0,64	17,2	3412	4,95	
24	61,6	17,2	0,64	42,9	3,34	0,48	0,64	4,95	0,64	1246	61,6	0,48	1256	17,2	1256	4213	1256	42,9	61,6	4213	1256	42,9	0,64	4213	
25	42,9	4,95	61,6	1246	61,6	4,95	1256	1246	42,9	42,9	3,34	17,2	42,9	42,9	61,6	1246	3,34	0,48	3412	42,9	42,9	1246	1256	42,9	
26	0,64	42,9	1256	4,95	0,64	4213	42,9	0,48	61,6	4213	42,9	4,95	3,34	4213	0,64	0,48	3412	4213	0,64	17,2	3,34	4,95	42,9	17,2	
27	3,34	4213	3412	0,48	3412	17,2	61,6	4213	3412	0,48	1256	1246	0,64	1246	42,9	4,95	42,9	17,2	3,34	1246	3412	4213	3,34	0,48	
28	3412	1246	42,9	17,2	42,9	42,9	3412	42,9	3,34	17,2	0,64	42,9	3412	4,95	3,34	17,2	61,6	4,95	1256	0,48	61,6	0,48	61,6	1246	

KỶ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2026

Môn: Hoá học

Câu/Đề	0325	0326	0327	0328	0329	0330	0331	0332	0333	0334	0335	0336	0337	0338	0339	0340	0341	0342	0343	0344	0345	0346	0347	0348
1	C	B	C	B	B	A	A	A	A	A	D	D	B	D	B	C	C	D	C	A	C	C	A	A
2	A	B	A	A	A	B	A	C	B	A	A	C	D	C	C	D	B	A	D	A	C	A	D	A
3	A	A	A	A	C	A	B	B	C	B	C	D	C	A	C	D	D	A	A	A	A	A	A	A
4	C	C	B	A	B	A	C	C	B	C	C	A	A	C	B	C	C	A	B	D	D	B	C	C
5	B	C	B	D	B	A	C	A	D	B	B	B	B	A	C	C	A	C	A	D	C	C	B	A
6	A	A	A	D	A	B	B	A	A	C	C	A	C	A	A	C	C	A	C	C	A	D	B	C
7	C	C	A	C	A	A	B	B	A	A	B	D	A	C	B	A	D	A	A	D	A	A	A	A
8	A	A	B	C	A	C	C	C	D	D	D	A	C	A	C	A	A	D	C	D	D	C	B	A
9	B	D	C	D	C	A	B	A	B	D	B	B	C	C	A	A	B	A	C	C	D	C	C	A
10	A	C	A	B	C	D	A	D	A	A	C	C	C	D	A	B	A	A	C	A	A	A	A	D
11	B	A	D	B	B	C	A	A	A	C	C	A	A	C	B	A	C	C	B	A	B	B	D	D
12	A	A	B	C	A	D	C	B	C	B	B	D	D	A	A	B	B	D	A	C	B	B	B	C
13	A	C	B	A	A	A	C	B	C	C	D	A	D	D	A	D	C	A	A	C	C	A	D	D
14	B	A	C	D	C	D	A	C	D	B	C	B	D	A	A	A	A	A	B	D	C	C	A	B
15	B	C	C	A	A	C	B	B	C	B	B	A	A	C	B	B	B	B	A	A	D	C	C	D
16	D	A	C	A	A	A	B	B	C	A	D	C	C	A	B	A	B	A	A	D	A	A	B	C
17	A	C	A	C	D	C	A	A	A	A	A	B	D	D	A	A	A	B	A	C	A	B	D	A
18	D	C	A	A	A	A	B	D	D	A	A	C	D	C	D	C	D	C	B	A	B	B	C	C
19	D,S,D,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	S,D,S,D	S,S,D,D	D,S,S,S	S,S,S,D	D,S,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,S,S	D,S,D,D	D,D,S,S	S,S,D,D	S,S,D,D	S,D,S,D	S,S,D,D	S,S,D,D
20	S,S,S,D	D,D,S,S	D,S,S,S	D,D,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,D,S,S	S,S,S,D	D,D,S,S	D,S,D,D	D,D,S,S	S,D,D,S	D,D,S,S	D,S,S,S	D,S,D,D	D,S,D,D	S,S,S,D	D,S,S,S	D,D,S,S	S,S,S,D	D,D,S,S	D,S,D,D	S,S,S,D
21	S,D,D,S	S,S,D,D	D,D,S,S	S,S,S,D	D,D,S,S	D,S,D,D	D,D,S,S	S,S,S,D	D,S,S,S	D,S,D,D	S,D,D,S	S,S,D,D	D,S,D,D	S,S,D,D	S,D,D,S	S,S,D,D	S,D,D,S	S,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D
22	D,S,S,S	D,S,D,D	S,S,S,D	D,S,S,S	D,S,S,S	D,D,S,S	D,S,S,S	S,S,D,D	D,S,D,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,D,D	S,S,S,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,S,D,D	D,D,S,S	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	S,S,S,D	D,S,D,D
23	4213	17,2	61,6	42,9	61,6	3412	3,34	42,9	0,48	42,9	4213	42,9	3,34	4,95	1246	17,2	0,48	42,9	0,48	3412	1246	1256	42,9	4,95
24	42,9	1256	0,48	4,95	0,48	0,64	0,48	0,64	1246	0,64	42,9	1256	61,6	1256	0,48	42,9	1246	4,95	61,6	42,9	0,48	17,2	1246	42,9
25	1246	42,9	3,34	17,2	3,34	1256	4213	3412	4213	17,2	1246	3412	4213	42,9	61,6	3412	61,6	0,64	3,34	1256	42,9	4,95	4213	3412
26	61,6	4,95	1246	0,64	4213	4,95	61,6	4,95	3,34	4,95	3,34	17,2	42,9	3412	42,9	0,64	3,34	17,2	42,9	17,2	4213	42,9	61,6	1256
27	3,34	0,64	4213	1256	42,9	42,9	1246	17,2	61,6	1256	61,6	4,95	0,48	17,2	3,34	4,95	42,9	1256	4213	0,64	61,6	3412	3,34	17,2
28	0,48	3412	42,9	3412	1246	17,2	42,9	1256	42,9	3412	0,48	0,64	1246	0,64	4213	1256	4213	3412	1246	4,95	3,34	0,64	0,48	0,64

